

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2017.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ TỈNH ĐẮK NÔNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hà Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: 1) Ông Nguyễn Quang Châu;

2) Ông Nguyễn Hoàng Khôi

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nông Thị Hường

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:* Ông
Tống Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2017/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2017, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 13/2017/QĐXX-ST ngày 11 tháng 8 năm 2017, và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2017/QĐST-DS ngày 29/8/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1991

Địa chỉ: tổ A thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Có mặt

- *Bị đơn:* anh Trần Văn X, sinh năm 1989

Địa chỉ: tổ A thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày: Chị T và anh Trần Văn X kết hôn 01/11/2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông; việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị T và anh X sống hạnh phúc được hơn một năm thì vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh X thường xuyên uống rượu, hay đánh đập chị T, từ ngày 04/04/2017 chị T đã bỏ về nhà bố mẹ để sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Chị T không còn tình cảm yêu thương và không thể tiếp tục chung sống với anh X, Vì vậy, Chị làm đơn khởi kiện xin ly hôn với anh X.

Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh X có 01 con chung là Trần Thị Phương Nh, sinh ngày 24/01/2016, hiện anh X đang trực tiếp nuôi. Chị T có nguyện vọng được nuôi con chung vì cháu còn quá nhỏ, chưa cai sữa và không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh X không hợp tác, không nhận các văn bản tố tụng khi được tổng đạt trực tiếp và vắng mặt tại Tòa án không có lý do.

Tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bích T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Trần Văn X vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khâu thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn là anh Trần Văn X không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 Bộ luật TTDS năm 2015. Về nội dung cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Bích T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Bích T khởi kiện ly hôn với anh Trần Văn X. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân; con chung. Tại thời điểm chị T khởi kiện thì anh X có nơi cư trú tại tổ A thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông, giữa các đương sự không có sự thỏa thuận về Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông và tranh chấp giữa các bên là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Trần Văn X kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình. Theo chị T, năm 2012 chị và anh X kết hôn, tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, theo kết quả xác minh tại địa phương quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh X thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh X hay đánh đập chị T. Chị T cũng cung cấp cho Tòa án một giấy ra viện ngày 18/6/2017 và một giấy chứng nhận thương tích ngày 7/8/2017. Như vậy, có căn cứ cho rằng, anh

X có hành vi bạo lực gia đình với chị T. Trong quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương từ cả hai phía, dựa trên sự bình đẳng, tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau, việc anh X có hành vi đánh đập chị T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 17, 18, 19, 21 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; vi phạm Điều 2 Luật phòng chống bạo lực gia đình. Chị T đã không còn tình cảm yêu thương đối với anh X, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2017 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở, cần chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị T và anh X có một con chung là Trần Thị Phương Nh, sinh ngày 24/01/2016. Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh X cấp dưỡng.

Tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.”

Thời điểm hiện tại nên giao cháu Nh cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp, bảo đảm tốt nhất quyền lợi cho cháu, chị T có đủ điều kiện và có khả năng nuôi con. Chị T không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết. Chị T, anh X được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết chị T, anh X có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con vì lợi ích của con.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích T, chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Trần Văn X.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Trần Thị Phương Nh, sinh ngày 24/01/2016 cho chị Nguyễn Thị Bích T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành. Chị T không yêu cầu anh X phải chịu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị T, anh X thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con sau ly hôn theo các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị T đã nộp theo biên lai số 0000007 ngày 19/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nông tỉnh Đắk Nông.

Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

DƯƠNG HÀ NGÂN

